

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Số: 104/TCCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 1995.

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
(Về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Trường ĐH Kỹ thuật)

- Căn cứ Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng.
- Căn cứ Quyết định 77/TCCB ngày 18/12/1995 về "Cơ cấu tổ chức các Trường thuộc Đại học Đà Nẵng".
- Theo đề nghị của Ông Hiệu trưởng Trường ĐH Kỹ thuật, và Ông trưởng ban TCCB Đại học Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1 - Nay thành lập 9 Khoa trực thuộc Trường Đại học Kỹ thuật và các thành viên các Khoa (có danh sách kèm theo).

ĐIỀU 2 - Ông Hiệu Trưởng trường ĐH Kỹ thuật chịu trách nhiệm quản lý về mặt hành chính và giao nhiệm vụ cho các Khoa nói trên.

ĐIỀU 3 - Ông Chánh văn phòng, Trưởng các Ban ĐHĐN, Ông Hiệu trưởng Trường ĐH Kỹ thuật và các thành viên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 1,3
- Lưu VP, Ban TCCB

GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



PHAN KỸ PHÙNG

Taung DH Ky Thuat

Tỷ lệ 2/96 :
33 - 2^{NN} = 31



DANH SÁCH CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC
CÁC KHOA THUỘC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT
(Kèm theo Quyết định số 1074 /TCCB ngày 30 tháng 12 năm 1995)

1. KHOA CƠ KHÍ :

- CTM - 1. Nguyễn Tế x
2. Trần Xuân Tuyền x
3. Trần Minh Chính x
4. Nguyễn Đắc Lực x
5. Châu mạnh Lực
6. Hồ thị Thu Nga x
7. Trần Quốc Việt
8. Bùi Trương Vỹ (N)
9. Nguyễn Hoài Nam
10. Trịnh thị Kim Xuân x
11. Võ Duy Thuận
NL 12. Nguyễn Ngọc Diệp x
13. Nguyễn Hoàng Việt x
14. Phạm thị Kim Loan x
15. Lê văn Tụy x
16. Trần Thanh Hải Tùng x
17. Nguyễn thị Bích Ngọc x

2. KHOA CƠ SỞ KỸ THUẬT

- NLC 1. Nguyễn Thanh x
2. Trần Hữu Huế x
3. Lê Cung x (N)
4. Nguyễn Tường Quy
5. Trần Thế Vinh
C Học 6. Trần Cao Đại
7. Lê Viết Giảng x
8. Nguyễn Hữu Thành x
9. Trần thị Hồng Nga x
10. Thái Thế Hùng (N)
11. Huỳnh Minh Tuấn
12. Thái Hoàng Phong
13. Nguyễn Đại Quý (N)
14. Hà Lê Hùng (N)
15. Đoàn Thiên Kim x
NH 16. Nguyễn Tư Đôn x

18. Nguyễn Hữu Tuyền (N)
19. Dương Việt Dũng
20. Phạm Minh Đức
21. Phùng Minh Nguyên x
22. Phan văn Bường
CNKL 23. Nguyễn Dụ x
24. Nguyễn Hữu Chu x
25. Lê Viết Ngưu x
26. Nguyễn Quang Anh x
27. Hoàng Minh Công
28. Lưu Đức Hòa x
29. Nguyễn Thanh Việt x
30. Trần Nguyên Vinh (N)
31. Trần Khánh
32. Lâm thị Hồng Đào x
33. Nguyễn thị Ánh (cử làm Văn Thư
+ Thư ký Khoa)
Phụ Mỹ Đình

17. Trần Kim Thành
18. Tô Cương
19. Lê Văn Lược
20. Dương Thọ
21. Phan Tường
22. Nguyễn Độ
23. Phạm Ái
24. Nguyễn Cẩm Vân x
25. Nguyễn văn Lanh
26. Nguyễn thị Phô
27. Ngô Sơn
28. Hồ Công Lam
29. Nguyễn Văn Thiết
30. Phạm Xuân Hộ
31. Dương thị Minh (cử làm Văn Thư
+ Thư ký Khoa)

$$31 - 4 = 27$$



3. KHOA XÂY DỰNG DÂN DỤNG :

21

1. Nguyễn Thanh Thịnh x
2. Phạm Nhiên
3. Trịnh Hào
4. Phạm Bá Lộc
5. Trương Hoài Chính
6. Ngô Phú Hòa
7. Bùi Thiện Lam x
8. Nguyễn Tấn Hưng
9. Trịnh quang Thịnh
10. Nguyễn Thạc Vũ
11. Nguyễn Văn Ngọc x
12. Phạm Khắc Xuân

13. Đặng Hưng Cầu
14. Nguyễn Phước Bình
- MT 15. Trần Cát x
16. Nguyễn thị Lê
17. Trần Văn Quang
18. Nguyễn lan Phương
19. Nguyễn Đình Huấn
20. Hồ văn Minh
21. Trần thị Đường (cử làm Văn Thư
+ Thư ký Khoa) |

4. KHOA XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG

20

1. Lê Văn Lạc x
2. Hoàng Phương Hoa x
3. Phan Cao Thọ
4. Nguyễn thị Tuyết An
5. Nguyễn Biên Cương
6. Nguyễn Xuân Toàn
7. Nguyễn Anh Việt
8. Nguyễn Lan
9. Võ Đức Hoàng
10. Nguyễn văn Mỹ

11. Đào Hữu Bán
12. Trần Việt Hàm x
13. Phạm Văn Mãng x
14. Hoàng Truyền x
15. Lê xuân Mai x
16. Nguyễn Ngọc Toàn
17. Lê Văn Định
18. Nguyễn Văn Siêu x
19. Bạch Quốc Tiến
20. Phùng thị Sáu (Cử làm Văn thư
+ thư ký Khoa)

5. KHOA XD THỦY LỢI-THỦY ĐIỆN

19

1. Nguyễn Quang Đoàn x
2. Trần phương Thành x
3. Đặng văn Phòng x
4. Nguyễn Xuân Thanh
5. Nguyễn Hồi
6. Nguyễn Thế Hùng
7. Nguyễn Bản x
8. Lê Văn Hợi x
9. Nguyễn Đăng Thạch
10. Nguyễn Đình Xân

11. Phan văn Hùng
12. Ngô văn Dũng x
13. Phan Hồng Sáng
14. Trần thị Bạch Diệp
15. Võ Quang Bằng x
16. Lê thị Kim Oanh
17. Phạm thị Nghiên x
18. Nguyễn Thu Thủy
19. Phạm thị Tiến (cử làm Văn thư
+ thư ký Khoa)



$$13 - 1 = 12$$

6. KHOA KỸ THUẬT NHIỆT

1. Phan Quang Xứng x
2. Đào Ngọc Chân x
3. Lê thị Ngọc Bích x
4. Nguyễn Bốn
5. Đinh Văn Thuận x
6. Nguyễn thị Phương Loan (N)
7. Lê Xuân Hòa

7. KHOA HÓA

1. Nguyễn Thọ x
2. Trần thị Xô
3. Lê thị Liên Thanh x
4. Tôn Thất Cát
5. Trương thị Minh Hạnh
6. Trần Xuân Ngạch
7. Phan thị Bích Ngọc x
8. Lê xuân Phương
9. Trần Thế Truyền
10. Ngô Sử Thành Tín
11. Phạm Ngọc Thạch (N)
12. Nguyễn Hoàng Dũng (N)
13. Đặng thị Lan Hương x
14. Nguyễn Hồng Cúc
15. Phạm Ngọc Anh x
16. Huỳnh Đức
17. Võ thị Trung Thu

8. Nguyễn Thanh Quang x
9. Phạm Thanh
10. Trần Văn Vang x
11. Hoàng Dương Hùng
12. Nguyễn Thanh Văn
13. Nguyễn Thị Bình
(Văn thư + Thư ký)

$$34 - 2 = 32$$

18. Nguyễn thị Huyền x
19. Nguyễn Dân
20. Trần Văn Tiến
21. Lê Đức Trung x
22. Lê thị Như Ý
23. Nguyễn Đình Lâm
24. Phạm Cẩm Nam
25. Lê Ngọc Trung
26. Nguyễn Thanh Sơn
27. Lê Minh Đức
28. Võ Công Duẩn
29. Đoàn Thu Loan
30. Đoàn Diệu Cúc
31. Nguyễn Kim Sơn
32. Huỳnh thị Kim Thắng
33. Huỳnh Quyền ? (Huỳnh Quyền là ở học sinh)
34. Nguyễn thị Kim Loan
(Văn thư + Thư Ký Khoa).

8. KHOA ĐIỆN

1. Nguyễn Ngân x
2. Đỗ thị Nga x
3. Trần thị Nga
4. Nguyễn Mạnh Hà x
5. Lâm Tăng Đức
6. Khương Công Minh
7. Nguyễn Bê
8. Đoàn Quang Vinh (N)
9. Nguyễn Hoàng Mai
10. Tăng Thiên Tư x
11. Lê Văn
12. Trần Ngọc Do x
13. Ngô Văn Dưỡng x

14. Lê Hồng x
15. Lê Kỳ
16. Nguyễn Văn Tiến
17. Trần Vinh Tịnh
18. Đoàn Ngọc Minh Tú
19. Trần Tấn Vinh
20. Lê Kim Hùng x
21. Trần Văn Chính x
22. Lê Tấn Duy x
23. Lê Văn Quyện
24. Phan văn Hiền
25. Nguyễn Xuân Hòa
26. Bùi Tấn Lợi



$$37 - 2^{NN} - 1 - \frac{1}{10} = 34$$

34

27. Lê Thành Bắc

28. Hoàng Dũng (N)

29. Nguyễn Hồng Anh x

x₂ 30. Lý Văn Quỳnh

31. Phan văn Mẫn

32. Nguyễn Rê x

33. Nguyễn thị Huyền

? 34. Nguyễn Anh Duy NB ✓

? 35. Đoàn Văn Long HP

? 36. Nguyễn Văn Minh Trí HP

37. Nguyễn thị Thanh Hồng
(Văn thư + thư ký Khoa)

9. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Phạm Vĩnh Minh

2. Tăng Tấn Chiến

3. Ngô văn Sỹ

4. Nguyễn Văn Phòng

5. Hồ Viết Việt

6. Lê xúng

7. Nguyễn văn Tuấn

8. Vũ Hồng Sơn

9. Đặng Thanh Liêm

10. Dư quang Bình

11. Hoàng Lê Uyên Thục

Tuấn 12. Võ Ngọc Anh (N)

13. Phan Huy Khánh x

14. Đặng Bá Lư

15. Lê Văn Sơn x

16. Phan Chí Tùng

17. Phan Thanh Tao x

18. Lê Văn Nhân

19. Võ Trung Hùng

20. Mai Hộ

21. Nguyễn Trung Tiến

~~22. Lê Văn Khiêm~~ NV NV HP

$$21 - [1] = [20]$$

$$10 - \text{phụ gia} + \text{BGT} + \text{VP} = [7]$$

$$11 - \text{phụ gia} : [6] + (1 \text{ hct})$$

$$\text{Tỷ lệ} : 1, \text{ Khoa Cơ Chi} : 33 - 2^{NN} = 31$$

$$2, \text{ Cơ Sở KT} : 31 - 4 = 27$$

$$3, \text{ XDD} : 21 = 21$$

$$4, \text{ Cấu trúc} : 20 = 20$$

$$5, \text{ XDTy lý} : 19 = 19$$

$$6, \text{ KT Nhiệt} : 13 - 1 = 12$$

$$7, \text{ Khoa Hoa} : 34 - 2 = 32$$

$$8 - \text{ Khoa Điện} : 35 - 2 = 33 + \text{phụ}$$

$$9 - \text{ CNTT} : 21 - 1 = 20$$

$$10 - \text{ gva} : 7 = 7$$

$$11 - \text{ HCTH} : 6 = 6 + 1 \text{ hct}$$

$$\Sigma = \text{CBNN} : 241 (+ 12^{NN})$$

$$\Sigma : \text{CBNN} : 252$$

$$228 + 1 \text{ hct}$$

50%